

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHONG THỔ  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HS-ST

Ngày: 19/4/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ TỈNH LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Phương.

- **Các hội thẩm nhân dân:** Ông Lò Văn Chiên - Ông Tấn Cao Sơn

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Ngọc Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ** tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Lệ Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 19/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2021/HSST, ngày 26/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST - HS ngày 07/4/2021 đối với bị cáo:

**Phàn A Đ** (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 03/8/1997; Nơi sinh: Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Nơi ĐKKHKT: Bản Lềng Xuôi Chín, xã Hoang Thèn, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; dân tộc: Dao; quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam, tôn giáo: không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; con ông Phàn Chín Quang sinh năm: 1966 và bà Lù Tả Mẩy sinh năm 1961; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 19/01/2016 Phàn A Đ bị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 13/2016/HSST. Do khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi, phạm tội ít nghiêm trọng vì vậy được coi là không có án tích.

+ Ngày 15/01/2021 Phàn A Đ bị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xử phạt 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 22/2021/HSST

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/12/2020 đến ngày 09/01/2021 sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo bị bắt tạm giam tại phiên tòa vào ngày 15/01/2021 để đảm bảo thi hành án. Hiện bị cáo đang thi hành án phạt tù theo quyết định thi hành án phạt tù số: 48/2021/QĐ-TA ngày 19/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Phan Văn S, sinh năm: 1968; trú tại: Bản Lềng Xuôi Chin, xã Hoang Thèn, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Tẩn Kim T, sinh năm: 1997; trú tại: Bản Lềng Xuôi Chin, xã Hoang Thèn, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

- Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1975; trú tại: Thôn Tây Nguyên, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

- Chị Bùi Trúc L, sinh năm: 2000; trú tại: Thôn Tây Nguyên, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 30 tháng 12 năm 2020, Phan A Đ đi bộ đến trong bản Lềng Xuôi Chin, xã Hoang Thèn, huyện Phong Thổ để quan sát xem có nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Đ đã quan sát nhà chị Tẩn Kim T không có ai ở nhà Đ đột nhập vào nhà chị T dùng một hòn đá to đập phá bung cửa 01 chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt - Tiệp, Đ lục soát tìm tài sản nhưng không có gì đáng giá, sau đó Đ kê lại chiếc kết sắt vào vị trí cũ và rời khỏi nhà chị T. Đ di chuyển sang nhà ông Phan Văn S quan sát không có ai ở nhà và Đ đã chui được vào nhà ông S nhìn thấy một chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt – Tiệp, Đ dùng hòn đá đập phá kết sắt và cửa kết sắt bung ra Đ lấy toàn bộ số tiền trong kết sắt gồm 6200 nhân dân tệ (NDT) tiền Trung Quốc (*mệnh giá 100 NDT; 50 NDT; 10 NDT; 05 NDT; 01 NDT*) và 7.207.000 đồng (*mệnh giá 200.000 đồng; 100.000 đồng; 50.000 đồng; 5.000 đồng; 1.000 đồng*). Sau khi lấy toàn bộ số tiền nêu trên Đ tiếp tục dùng hòn đá đập cửa kết sắt bên trong thì thấy có bạc thỏi, dây bạc và đồng xu nhưng Đ không lấy, Đ kê lại chiếc kết sắt quay vào trong tường còn cánh cửa kết sắt Đ giấu vào gầm giường và rời khỏi hiện trường. Đến 18 giờ 00 phút cùng ngày Đ gọi điện cho bạn là Tẩn Văn Ngọc mang xe máy đến đón Đ đi chơi. Số tiền trộm cắp Đ trả nợ cho Ngọc 100.000 đồng, đi uống nước và ăn cơm tối cùng với bạn Tẩn Văn Ngọc, Lù Xuân Minh, Tẩn Chảo Quang, Lý Thanh Bình hết 1.155.000 đồng. Sau đó tiếp tục cùng nhóm bạn nêu trên đi hát

Karaoke hết 4.600.000 đồng và tiếp tục cùng nhóm bạn thuê nhà nghỉ ngủ hết 1.350.000 đồng. Đến khoảng 7 giờ sáng ngày 31/12/2020 Đ đến cửa hàng tạp hóa bà Nguyễn Thị Đ có địa chỉ tại thôn Tây An, xã Mường So, huyện Phong Thổ đổi tiền trộm cắp tiền Trung Quốc 2.200 NDT = 7.920.000 đồng. Đ đổi được tiền tiếp tục vào quán game chơi hết số tiền nêu trên, Đ quay lại quán bà Đ để tiếp tục đổi tiền thì gặp con gái bà Đ chị Bùi Trúc L đổi 2400 NDT = 8.640.000 đồng và tiếp tục quay lại quán game nhưng sau đó Đ lại quay lại quán bà Đ gặp chị L đổi nốt số tiền còn lại là 1600 NDT = 5.760.000 đồng. Đổi được tiền lần này Đ quay lại quán game nạp tiền chơi game hết 7.880.000 đồng. Khoảng 13 giờ ngày 31/12/2020 Đ bị Công an huyện Phong Thổ điều tra về hành vi trộm cắp tài sản và Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, số tiền trộm cắp sau khi tiêu S cá nhân còn lại là 6.509.000 đồng đã bị Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Tại văn bản số: 105/LCH - TTGS ngày 01/1/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Lai Châu cung cấp về quy đổi ngoại tệ từ ngày 24/12/2020 đến ngày 30/12/2020 là tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam (VND) so với đồng nhân dân tệ Trung Quốc (CNY) là: 1 CNY = 3.536,14 VND. Như vậy số tiền Đ trộm cắp 6200 CNY được quy đổi VND là:  $6200 \text{ CNY} \times 3.536,14 \text{ VND} = 21.924.068 \text{ đồng}$ .

Tại bản kết luận giám định số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 08/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Phong Thổ kết luận: “ 01 (một) chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp đã qua sử dụng, kết sắt cao 73 cm x 33 cm x 40 cm của ông Phan Văn S tại thời điểm tháng 12/2020 có trị giá là: 600.000 đồng; 01 (một) chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp đã qua sử dụng, kết sắt cao 65 cm x 30 cm x 40 cm của chị Tần Kim T tại thời điểm tháng 12/2020 có trị giá là: 500.000 đồng .

Tổng số tài sản mà Phan A Đ đã chiếm đoạt của bị hại ông S có giá trị  $21.924.068 \text{ đồng} + 7.207.000 \text{ đồng} = 29.131.068 \text{ đồng}$ .

Về vật chứng của vụ án:

Thu giữ của Phan A Đ 01 chiếc điện thoại đã qua sử dụng nhãn hiệu Mastel, số IMEI1:358246096011348, IMEI2: 358246011355 và 02 sim điện thoại; số tiền 6.509.000 đồng. 01 chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt - Tiệp của ông S và 01 chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt - Tiệp của chị T; 03 mảnh vỡ từ một hòn đá có màu nâu vàng; 01 hòn đá kích thước dài 40, rộng 21, cao 11cm hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT - VKS Ngày 26/3/2021 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Phong Thổ đã truy tố bị cáo:

Phàn A Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 - Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điều 38 - Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điều 38 - Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Tuyên bố bị cáo Phàn A Đ phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Xử phạt bị cáo Phàn A Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 - Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phàn Văn S yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 29.000.000 đồng đối trừ số tiền 6.509.000 đồng (là số tiền bị cáo trộm cắp đã bị thu hồi), buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 22.491.000 đồng (*Hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng*).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tân Kim T vắng mặt và có đơn đề nghị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về chiếc kết sắt nên không xem xét giải quyết. Về trách nhiệm hình sự bị hại đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Căn cứ vào điều 47 - Bộ luật hình sự; điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị trả lại cho ông Phàn Văn S 6.509.000 đồng là số tiền do bị cáo trộm cắp của bị hại.

Đề nghị trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại đã qua sử dụng nhãn hiệu Mastel, số IMEI1:358246096011348, IMEI2: 358246011355 và 02 sim điện thoại vì đây là tài sản hợp pháp của bị cáo.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp đã qua sử dụng, có chiều cao 73 cm x 33 cm x 40 cm của ông Phàn Văn S; 01 (một) chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp đã qua sử dụng, kết sắt cao 65 cm x 30 cm x 40 cm của chị Tân Kim T; 03 mảnh vỡ từ một hòn đá có màu nâu vàng; 01 hòn đá kích thước dài 40, rộng 21, cao 11cm vì không có giá trị sử dụng.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm nhất trí với bản luận tội và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền, nghĩa vụ liên quan chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điều 292, 293, điểm d khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng hình sự. HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với vật chứng cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, vì vậy có đủ cơ sở khẳng định như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 30/12/2020 Phàn A Đ đã quan sát nhà chị Tẩn Kim T để trộm cắp tài sản, sau khi đột nhập vào nhà chị T bị cáo đã phá hủy một chiếc kết sắt mục đích để tìm tài sản trộm cắp nhưng trong kết không có gì, vì vậy bị cáo không trộm cắp được tài sản nhà chị T. Bị cáo tiếp tục đi đến nhà ông Phàn Văn S và quan sát không có ai ở nhà, bị cáo đã đột nhập vào trong nhà ông S đập phá một chiếc kết sắt để trộm cắp tài sản. Sau khi lấy toàn bộ số tiền trong kết sắt bị cáo đếm được là 6200 NDT tiền Trung Quốc và 7.207.000 đồng. Số tiền 6200 NDT bị cáo trộm cắp đã đổi tại quán tạp hóa của bà Nguyễn Thị Đ được 22.320.000 đồng và cộng với số tiền 7.207.000 đồng tiền việt bị cáo đã tiêu S cá nhân, số tiền còn lại là 6.509.000 đồng thì bị Cơ quan điều tra đã thu giữ.

[4] Đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo coi thường pháp luật vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo lợi dụng không có người trông coi tài sản để chiếm đoạt tài sản của người khác, giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.207.000 đồng và 6200 (CNY) tiền Trung Quốc. Số tiền Trung Quốc quy đổi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì  $6200 \text{ (CNY)} = 21.924.068$  đồng, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông S là 29.131.068 đồng. Mặc dù trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai số tiền Trung Quốc mà bị cáo chiếm đoạt bị cáo quy đổi được 22.320.000 đồng. Để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo cũng như áp dụng đúng quy định của pháp luật thì Hội đồng xét xử xét căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào văn bản của Chi nhánh Ngân hàng tỉnh Lai Châu về cung cấp thông tin quy đổi tiền Trung Quốc sang tiền VNĐ để giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy tổng số tài sản mà Phàn A Đ đã chiếm đoạt của bị hại ông S có giá trị  $21.924.068 \text{ đồng} + 7.207.000 \text{ đồng} = 29.131.068 \text{ đồng}$ .

Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 - Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[5] Đánh giá về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức rất rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo coi thường pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phàn A Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, và bị cáo sống ở khu vực đặc biệt khó khăn. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - Bộ luật hình sự.

[8] Xét về nhân thân: Năm 2016 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”. Tiếp đến ngày 15/01/2021 bị cáo lại bị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân làm ăn chân chính mà vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy xét về nhân thân bị cáo là xấu nên cần phải có một mức án nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét về điều kiện hoàn cảnh kinh tế của bị cáo còn khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 29.000.000 đồng trừ số tiền 6.509.000 đồng (là số tiền bị cáo trộm cắp đã bị thu hồi), buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 22.491.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xét xử vắng mặt nội dung không yêu cầu bị cáo bồi thường về chiếc kết sắt, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với hành vi đập phá 02 kết sắt có tổng trị giá 1.100.000 đồng của Đ chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phong Thổ đã ra quyết định xử lý hành chính đối với Phần A Đ là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Thị Đ, Bùi Trúc L đã đổi tiền cho bị cáo và không biết đó là tiền bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

[11] Về vật chứng:

Số tiền 6.509.000 đồng là số tiền do bị cáo trộm cắp của bị hại nên cần trả lại cho ông Phần Văn S.

01 chiếc điện thoại đã qua sử dụng nhãn hiệu Mastel, số IMEI1: 358246096011348, IMEI2: 358246011355 và 02 sim điện thoại là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

01 chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp đã qua sử dụng, có chiều cao 73 cm x 33 cm x 40 cm của ông Phần Văn S; 01 (một) chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp đã qua sử dụng, kết sắt cao 65 cm x 30 cm x 40 cm của chị Tần Kim T; 03 mảnh vỡ từ một hòn đá có màu nâu vàng; 01 hòn đá kích thước dài 40, rộng 21, cao 11cm không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy

[12] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Xét bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở khu vực đặc biệt khó khăn theo Quyết định số: 582/QĐ - TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Lai Châu. Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị miễn án phí cho bị cáo, tại phiên tòa bị cáo đã đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phàn A Đ phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

### 1. Về Hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38- Bộ Luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phàn A Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"*. Áp dụng điều 56 - Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 01 năm 08 tháng tù của bản án số: 22/2021/HSST ngày 15/01/2021. Buộc bị cáo phải chấp hành cả hai bản án với mức hình phạt chung là 04 (bốn) năm 02 (hai) tháng tù, bị cáo được khấu trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 31/12/2020 đến ngày 09/01/2021) của bản án số: 22/2021/HSST ngày 15/01/2021. Thời hạn thi hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 15/01/2021

### 2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Điều 48- Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 và Điều 357, 468 - Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phàn A Đ phải bồi thường số tiền 22.491.000 đồng (*Hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng*) cho ông Phàn Văn S, sinh năm: 1968; trú tại: Bản Lềng Xuôi Chín, xã Hoang Thèn, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Về thực hiện trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

*" Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015"*

**3. Về vật chứng:** Căn cứ vào Điều 47- Bộ luật hình sự và Điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho ông Phàn Văn S Số tiền 6.509.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Phàn A Đ 01 chiếc điện thoại đã qua sử dụng nhãn hiệu Mastel, số IMEI1: 358246096011348, IMEI2: 358246011355 và 02 sim điện thoại.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp đã qua sử dụng, có chiều cao 73 cm x 33 cm x 40 cm của ông Phàn Văn S; 01 (một) chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp đã qua sử dụng, kết sắt cao 65 cm x 30 cm x 40 cm của chị Tân Kim T; 03 mảnh vỡ từ một hòn đá có màu nâu vàng; 01 hòn đá kích thước dài 40, rộng 21, cao 11cm.



*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/3/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ với Chi cục THADS huyện Phong Thổ).*

**4. Về án phí:** Căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12; điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng cho bị cáo và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.450.000 đồng cho bị cáo.

**5. Quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

*“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”*

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phương**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh, huyện ;
- THA dân sự huyện ;
- CQTHA PT; CQĐT CA huyện
- Bị cáo;
- Bị hại, người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án
- Lưu: HS - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phương**









